TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 – NGHỆ AN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 07-7-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Nhiệm và ông Nguyễn Viết Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2026/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1995. CCCD: số 040195008287

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992; CCCD số: 040092020960

Địa chỉ: Xóm I N, xã Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm F N, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm I N, xã Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2026, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu hôn nhân tương đối ổn định, không có vấn đề gì nhưng sau đó anh C rơi vào cờ bạc, vay mượn nợ nần, làm ảnh

hưởng đến kinh tế gia đình. Hai vợ chồng từ đó luôn bất đồng, cãi nhau, không quan tâm nhau nữa. Chị có khuyên bàn anh để thay đổi nhưng anh vẫn không thay đổi được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2024, không hỏi han quan tâm đến nhau. Đến năm 2025 anh C đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, hai bên có nhắn tin trao đổi với nhau nhưng không còn yêu thương nhau nữa. Chị cũng không biết địa chỉ của anh C bên nước ngoài. Nay chị T không còn tình cảm gì với anh C nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 27/01/2022, hiện con chung đang ở với chị T nên ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Tòa án cũng đã gửi công văn cho Phòng Q – Công an tỉnh N và được biết hiện nay anh C xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 28/02/2025, chưa có thông tin về nước. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn để nghị gia đình anh Nguyễn Văn C cung cấp thông tin, địa chỉ của anh C ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh C vẫn không có mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh tại ông Nguyễn Văn H là bố đẻ anh Nguyễn Văn C cho biết: Chị T và anh C kết hôn với nhau năm 2020. Kết hôn xong thì sống với nhau một năm với bố mẹ chồng, sau đó anh C và chị T lên sống tại xã Q. Sau đó anh C về ở với bố mẹ và đi nước Singapo từ tháng 02 năm 2025 đến nay. Anh C thỉnh thoảng mới liên lạc về cho gia đình nên ông không biết địa chỉ của anh C bên nước ngoài. Anh C và chị T có mâu thuẫn như thế nào, ông không biết, nhưng thời gian gần đây thì thấy anh C và điện về gia đình và thông báo chị T đã làm đơn ly hôn. Chị T làm đơn ly hôn xong mới báo cho bố mẹ chồng biết. Anh C và chị T có 01 con chung là cháu Thành Đ, hiện đang ở với chị T. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con thì vấn đề tình cảm do các con quyết định, về con chung thì hiện tại cháu đang ở với mẹ nên để cho mẹ nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Anh C và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Anh C và chị T có mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không được biết. Theo thông tin dữ liệu thì thấy chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 27/01/2022. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 27/01/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C vì chị T không yêu cầu; về tài sản không xem xét vì đương sự không yêu cầu; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1.] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Phan Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn C, đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Trước khi xuất cảnh anh C cư trú tại xóm I N, xã Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được, kết quả xác minh Phòng Xuất nhập cảnh – Công an tỉnh N; lời trình bày của ông Nguyễn Văn H, bố đẻ của anh Nguyễn Văn C thì có căn cứ xác định hiện nay anh C đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình. Anh C đã biết được việc chị T làm đơn xin ly hôn với anh C tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An nhưng anh C không cung cấp địa chỉ. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh C cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh cho Tòa án. Do đó, việc anh Nguyễn Văn C vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Anh C đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; chị T có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là xã Q, tỉnh Nghệ An ngày 14/01/2022. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, nguyên nhân theo chị T là do anh C cờ bạc, không lo kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con; theo ông H bố anh C thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ khi chị T nộp đơn ly hôn thì gia đình mới biết. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh C đã biết nhưng không có ý kiến gì, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên cần xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 27/01/2022. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung đang ở với chị T, hiện tại cháu Đ còn nhỏ, rất cần sự yêu thương chăm sóc của người mẹ, hơn nữa anh C hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con được. Do đó cần giao cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C vì chị T không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết. Nếu các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Thành Đ, sinh ngày 27/01/2022 cho T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn C vì chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0002059 ngày 26/3/2025.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị Phan Thị T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Thắng (xã Tân Thắng nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà